TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **68**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 7 - 2024.
Về việc tranh chấp: "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Hoàng Mích.

Ông Huỳnh Khắc Đoàn Cương.

***- Thư ký phiên Tòa*:** Bà Trần Thị Thảo Nguyên – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2024/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 110/2024/QĐST- HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Chị Trần Thị Thanh N,** sinh ngày 28/4/2001 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã D, huyện D, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* **Anh Nguyễn Quốc D,** sinh ngày 24/6/1988 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp D, xã T, huyện D, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn đề ngày 14/12/2023, bản tự khai ngày 11/4/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Thanh N trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị N và anh D tự quen biết tìm hiểu nhau được khoảng 01 năm, sau đó hai bên tự nguyện tiến tới hôn nhân trên tinh thần tự

nguyện, cưới nhau năm 2019 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Định Trung vào năm 2019. Thời gian đầu sống chung có hạnh phúc nhưng đến tháng 01/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường cự cãi, anh D thường xuyên có hành vi bạo lực đánh đập vợ con, nên cuộc sống không hạnh phúc, đã ly thân từ tháng 02/2023 cho đến nay. Hiện anh D về nhà cha mẹ ruột sống tại xã Định Trung, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu ly hôn với anh D.

- *Về nuôi con chung:* Có 01 con chung tên là Nguyễn Trần Gia B, sinh ngày 17/3/2022. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có.

- **Tại phiên Tòa**, chị vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, không thay đổi gì.

* Đối với anh Nguyễn Quốc D là bị đơn, trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng anh đều vắng mặt, mặc dù anh vẫn còn sinh sống tại địa phương, nên không thu thập được lời khai của anh.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến:*

- *Về tuân theo pháp luật tố tụng:*

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tuân theo đúng quy định của pháp luật. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên Tòa là không thực hiện theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:*

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh D. Về con chung: Đề nghị giao cháu Nguyễn Trần Gia B, sinh ngày 17/3/2022 cho chị N nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: chị N khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét đến. Về nợ chung: chị N khai không có, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:*

[1]. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Quốc D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử, nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt anh D là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:*

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị N và anh D cưới nhau vào năm 2019 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Định Trung vào năm 2019 theo đúng quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh D được công nhận hợp pháp.

Nay chị N yêu cầu ly hôn, anh D vắng mặt nên không có lời khai. *Hội đồng xét xử xét thấy:* Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trong đó có biên bản xác minh tại chính quyền địa phương cũng như lời khai của chị N trong quá trình giải quyết vụ án, đều xác định được cuộc sống vợ chồng của anh chị đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường cự cãi, anh D có hành vi bạo lực đánh đập vợ con, sống không hạnh phúc, hiện tại mỗi người sống một nơi và đã đã ly thân từ tháng 02/2023 cho đến nay.

Hơn nữa, Toà án đã tiến hành mời chị N và anh D để hoà giải, nhằm cho các bên có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh D vẫn vắng mặt không lý do, cho thấy anh D đã không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này.

Qua đó, có cơ sở để Hội đồng xét xử xác định giữa chị N và anh D đã không còn quan tâm, chăm sóc đến cuộc sống của nhau, cùng nhau chia sẽ thực hiện các công việc trong gia đình. Điều đó, chứng tỏ hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị N là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. *Về nuôi con chung:* Trong quá trình sống chung giữa chị N và anh D có 01 chung tên là Nguyễn Trần Gia B, sinh ngày 17/3/2022, hiện đang sống với chị N. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu B, xét thấy từ trước đến nay cháu B sống với chị N, do chị N trực tiếp nuôi dưỡng, việc chị nuôi con chung vẫn phát triển bình thường. Mặt khác, tại thời điểm giải quyết ly hôn thì con chung dưới 36 tháng tuổi, nên để nhằm ổn định về tinh thần của con chung anh và chị, đồng thời con dưới 36 tháng tuổi thì quyền ưu tiên nuôi con được giao cho mẹ trực tiếp nuôi. Vì vậy, cần để cháu B cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị N.

[4]. *Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị N nuôi con chung nhưng không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận và không xét đến.

[5]. *Về tài sản chung:* Chị N khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[6]. *Về nợ chung:* Chị N khai không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[7]. *Đối với lời trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại về quan điểm giải quyết vụ án:* Phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8]. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:*

Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Thanh N đối với anh Nguyễn Quốc D.

Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Thanh N và anh Nguyễn Quốc D.

Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Thanh N và anh Nguyễn Quốc D chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Nguyễn Trần Gia B, sinh ngày 17/3/2022 cho chị Trần Thị Thanh N trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Ghi nhận sự tự nguyện chị Trần Thị Thanh N nuôi con chung không yêu cầu anh Nguyễn Quốc D cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Quốc D không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị Trần Thị Thanh N trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Nguyễn Quốc D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm

2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định việc thay đổi yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị N khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét đến.

4. Về nợ chung: Chị N khai không có, nên không xét đến.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Trần Thị Thanh N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003346 ngày 19 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Như vậy, chị Trần Thị Thanh N đã nộp đủ án phí.

Chị Trần Thị Thanh N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Nguyễn Quốc D vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- UBND xã Định Trung (Số 31, ngày 30/5/2019);
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Duyên